

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2019

“Về việc yêu cầu ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đoàn Thị Mến

- Ông Dương Đình Luật

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 383/2018/TLST-HNGĐ ngày 27/8/2018 về việc: *“Yêu cầu ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh BR - VT.

Bị đơn: Ông Đặng Hữu H, sinh năm 1964 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh BR – VT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/8/2018, bản khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Đặng Hữu H chung sống với nhau từ năm 1992, đến năm 1994 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai mai mối hay ép buộc. Trước khi kết hôn, bà T và ông H có thời gian tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới.

Sau khi kết hôn, bà T và ông H chung sống hạnh phúc. Đến năm 1999 thì vợ chồng bà T, ông H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến ngày hôm nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Ông H là chồng nhưng không lo làm ăn, suốt ngày chỉ rượu chè, bài bạc rồi về kiểm chuyện gây gổ vợ con. Việc này bà T đã cố gắng khuyên nhủ nhiều lần nhưng không được. Ngoài ra, ông H còn chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác và đã có con riêng với người phụ nữ này. Đến năm 2010 thì ông H bị kết án về tội “*mua bán trái phép chất ma túy*” và bị đưa đi chấp hành án tù từ đó cho đến nay. Từ sau khi ông H đi chấp hành án cho đến nay, bà T và ông H không còn gặp nhau, vợ chồng cũng không còn quan tâm gì đến nhau.

Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông H thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Đặng Hữu H có 02 con chung là Đặng Thị Bích T, sinh ngày: 20/12/1992 và Đặng Thị Y, sinh ngày: 04/11/1999. Con chung hiện nay đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị T và ông Đặng Hữu H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê Thị T và ông Đặng Hữu H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/3/2019, bị đơn ông Đặng Hữu H trình bày:

Ông Đặng Hữu H và bà Lê Thị T kết hôn vào năm 1992, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai mai mối hay ép buộc. Trước khi kết hôn ông H và bà T có thời gian tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới. Đến năm 1994, ông H và bà T tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thời gian gần đây ông H có liên lạc với con riêng của ông H nên bà T không đồng ý và có ý ghen tuông. Hiện nay ông H đang chấp hành về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” tại đội A, phân trại B, trại giam C, huyện D, tỉnh Thái Nguyên. Ông H có nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, đơn khởi kiện của bà T nên biết bà T yêu cầu ly hôn với ông H nhưng ông H không đồng ý ly hôn vì ông H vẫn còn tình cảm với bà T.

Về con chung: Ông Đặng Hữu H và bà Lê Thị T có 02 con chung là Đặng Thị Bích T, sinh ngày: 20/12/1992 và Đặng Thị Y, sinh ngày: 04/11/1999. Con chung đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H và bà T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H và bà T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình và vì điều kiện nên bị đơn có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình tố tụng nên xét xử vắng bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị T được ly hôn ông Đặng Hữu H. Con chung đã trưởng thành, nợ chung không có và tài sản chung ông H và bà T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:* Bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đặng Hữu H, sinh năm 1964 có nơi cư trú tại huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Yêu cầu ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về việc vắng mặt của đương sự:* Ngày 11/3/2019, bị đơn là ông Đặng Hữu H có đơn xin vắng mặt trong quá trình tố tụng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Hữu H theo luật định.

[3]. *Về hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01 ngày 17/5/1994 của Ủy ban nhân dân xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định, hôn nhân của bà Lê Thị T và ông Đặng Hữu H là hợp pháp. Sau khi kết

hôn thì vợ chồng bà T và ông H chung sống hạnh phúc, đến năm 1999 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã nhau; ông H là chồng nhưng không quan tâm chăm sóc gia đình mà chỉ lo ăn chơi. Hiện tại, ông H đang phải chấp hành án tại trại giam Phú Sơn 4, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Bà T và ông H đều xác nhận vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống của hai vợ chồng không còn không hợp nhau. Ngoài ra, ông H còn cho rằng bà T ghen tuông với ông H vì ông H có con riêng và thường liên lạc với con riêng. Tuy nhiên, ông H không đồng ý ly hôn vì ông H vẫn còn tình cảm với bà T.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: hôn nhân của bà Lê Thị T và ông Đặng Hữu H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, hiện nay ông H đang phải chấp hành án, từ khi chấp hành án cho đến nay đã hơn 8 năm; trong suốt thời gian ông H đi chấp hành án, bà T và ông H cũng không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng; giữa hai vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau vì vậy nên chấp nhận cho bà T ly hôn ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung*: Bà Lê Thị T và ông Đặng Hữu H có 02 con chung là Đặng Thị Bích T, sinh ngày: 20/12/1992 và Đặng Thị Y, sinh ngày: 04/11/1999. Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5]. *Về tài sản chung*: Bà Lê Thị T và ông Đặng Hữu H thông nhất để bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về nợ chung*: Bà Lê Thị T và ông Đặng Hữu H thống nhất không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về án phí*: Bà Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, bà T được ly hôn với ông Đặng Hữu H.

2. *Về con chung*: Bà Lê Thị T và ông Đặng Hữu H có hai con chung là Đặng Thị Bích T, sinh ngày: 20/12/1992 và Đặng Thị Y, sinh ngày: 04/11/1999. Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung*: Bà Lê Thị T và ông Đặng Hữu H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Bà Lê Thị T và ông Đặng Hữu H không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí*: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003068 ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Lê Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Trong hạn 15 ngày, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Xuyên Mộc;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy

